

TỜ TRÌNH

VỀ VIỆC ĐỀ NGHỊ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CƯỚC PHÍ THUÊ BAO DỊCH VỤ GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH TÀU CÁ TỈNH QUẢNG BÌNH GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2024 ĐẾN 2026

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025”; Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Kế hoạch hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu lần thứ 4”;

Thực hiện Công văn số 128/TTHĐND-VP ngày 10 tháng 8 năm 2023 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình giai đoạn từ năm 2024 đến 2026 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Sự cần thiết

Theo quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên phải lắp thiết bị giám sát hành trình (sau đây viết tắt là VMS). Đến nay, việc triển khai lắp đặt thiết bị VMS tàu cá của tỉnh đã đạt được kết quả đáng khích lệ với số lượng tàu cá đã lắp đặt thiết bị VMS

là 1.127/1.165 (đạt 96,7%). Còn lại 38 tàu cá chưa lắp đặt thiết bị là do tàu hoạt động không hiệu quả, khó khăn kinh tế, thiếu thuyền viên đi biển... Quá trình vận hành đã giám sát được hành trình các tàu đã lắp đặt thiết bị VMS, góp phần rất lớn trong công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; quản lý đội tàu cá của các cơ quan quản lý thủy sản các cấp từ Trung ương đến địa phương, nhất là trong công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, nhằm tháo gỡ thẻ vàng của Ủy ban Châu Âu (sau đây viết tắt là EC)... Tuy nhiên, hiện nay Chi cục Thủy sản Quảng Bình, lực lượng Biên phòng tỉnh, UBND cấp huyện và các cơ quan chức năng đang gặp phải khó khăn khi một số chủ tàu cá không đóng cước thuê bao giám sát hành trình để duy trì hoạt động của thiết bị VMS dẫn đến không theo dõi được hoạt động tàu cá trên biển, nhất là các chủ tàu gặp khó khăn về kinh phí, hoạt động không hiệu quả hoặc là vào mùa gió đông bắc, biển động không đi biển được. Đến nay có hơn 100 tàu cá mất kết nối dài ngày do không đóng cước thuê bao giám sát hành trình cho các đơn vị cung cấp thiết bị hoặc do nằm bờ và dự kiến những tháng cuối năm 2023 (mùa biển động), số lượng chủ tàu cá không đóng cước phí để duy trì thiết bị giám sát hành trình sẽ tiếp tục tăng lên.

Theo khảo sát từ các đơn vị cung cấp thiết bị VMS cho tàu cá của tỉnh (bao gồm các đơn vị VNPT, VISHIPEL, Bình An, VIETTEL) ngoài chi phí mua sắm thiết bị VMS với giá từ 22.500.000 đồng đến 28.000.000 đồng/thiết bị, thì chủ tàu phải chi trả cước thuê bao VMS tàu cá dao động từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng/năm đã tạo thêm áp lực về kinh phí vươn khơi, bám biển của ngư dân trong tỉnh.

Vì vậy, việc xây dựng nghị quyết hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá là cần thiết, là sự quan tâm, chia sẻ của Đảng, Nhà nước trong việc tạo điều kiện phát triển kinh tế cho ngư dân và tăng cường hiệu quả quản lý tàu cá hoạt động trên biển, góp phần tháo gỡ thẻ vàng của EC.

2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước 2015;
- Căn cứ Quyết định 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Thực hiện Quyết định số 1077/QĐ-TTg ngày 14/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Phòng, chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định đến năm 2025”;

- Thực hiện Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Kế hoạch hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu lần thứ 4”;

- Thực hiện Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại buổi làm việc với Đảng ủy xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch (Thông báo số 42-TB/VPTU ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Văn phòng Tỉnh ủy), trong đó có giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí hỗ trợ cước phí vệ tinh, đảm bảo quyền lợi của ngư dân khi tham gia sản xuất gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo Tổ quốc.

3. Cơ sở thực tiễn

Trong thời gian gần đây, sản xuất khai thác thủy sản gặp nhiều khó khăn do nguồn lợi thủy sản suy giảm, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh Covid-19 nên một số tàu cá làm ăn không hiệu quả, thua lỗ dẫn đến khó khăn trong việc đóng cước thuê bao VMS. Mặt khác, từ tháng 10 năm 2017, EC cảnh báo “thẻ vàng” đối với sản phẩm thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào Châu Âu. Để sớm khắc phục gỡ “thẻ vàng” của EC, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu khẩn trương hoàn thành việc lắp đặt thiết bị VMS trên tàu cá.

Theo Quyết định số 81/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Kế hoạch hành động chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, chuẩn bị làm việc với Đoàn Thanh tra của EC lần thứ 4” và Công văn số 8947/BNN-TCTS ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tập trung thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU trước mắt, chuẩn bị làm việc với Đoàn thanh tra EC lần 4, trong đó Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ: “*Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ chủ tàu cá mua, lắp thiết bị VMS và cước phí thuê bao vệ tinh để duy trì hoạt động thiết bị VMS*”.

Hiện nay, nhiều tỉnh, thành phố¹ đã có chính sách hỗ trợ kinh phí mua thiết bị VMS, hỗ trợ cước thuê bao VMS lắp trên tàu cá.

Căn cứ khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá trên tỉnh Quảng Bình là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Tăng cường năng lực quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh

¹ như: Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An, Đà Nẵng, Phú Yên, Bình Định, Cà Mau, Quảng Trị, Kiên Giang...

vực khai thác thủy sản trên các vùng biển và phòng chống khai thác IUU, ngăn chặn tàu cá của tỉnh xâm nhập, khai thác trái phép vùng biển nước ngoài; góp phần sự hiện diện của tàu cá trên các vùng biển thuộc chủ quyền của Việt Nam nhằm phát triển khai thác hải sản xa bờ của tỉnh bền vững, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đăng ký nhân lực phương tiện, tàu thuyền dân sự tham gia bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, các vùng biển của Tổ quốc.

2. Quan điểm

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, nhằm đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước và phù hợp với khả năng thực tế của địa phương. Việc xây dựng Nghị quyết không trùng lặp với các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Hồ sơ Dự thảo Nghị quyết đã được cơ quan soạn thảo đánh giá tác động chính sách và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; lấy ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; cơ quan soạn thảo tiếp thu, giải trình, tổng hợp.

Hồ sơ dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định và cơ quan soạn thảo đã tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Bố cục của văn bản gồm có 06 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh;

Điều 2. Đối tượng áp dụng;

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ;

Điều 4. Định mức, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ;

Điều 5. Đối tượng hỗ trợ;

Điều 6. Tổ chức thực hiện.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024 - 2026.

2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký

tại tỉnh Quảng Bình.

- Các đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình cho tàu cá của tỉnh Quảng Bình.

- Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Nguyên tắc hỗ trợ

- Mỗi tàu cá được nhận hỗ trợ 01 lần/năm tiền cước phí thuê bao dịch vụ cho 01 thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá.

- Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định. Thực hiện hỗ trợ chặt chẽ, đúng đối tượng, tránh trường hợp lợi dụng chính sách để trục lợi.

4. Định mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ

- Trong năm 2024, mỗi tàu cá được hỗ trợ 100% cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình theo hợp đồng và hoá đơn thực tế nhưng tối đa không quá 300.000 đồng/tháng/tàu.

- Trong năm 2025, mỗi tàu cá được hỗ trợ 70% cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình theo hợp đồng và hoá đơn thực tế nhưng tối đa không quá 210.000 đồng/tháng/tàu.

- Trong năm 2026, mỗi tàu cá được hỗ trợ 50% cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình theo hợp đồng và hoá đơn thực tế nhưng tối đa không quá 150.000 đồng/tháng/tàu.

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy sản Quảng Bình) để thực hiện chi trả cho các đối tượng chủ tàu cá theo quy định.

5. Kinh phí thực hiện hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, dự kiến:

- Năm 2024: 1.165 tàu x 300.000đ x 12 tháng): 4.194.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn tỷ một trăm chín mươi bốn triệu đồng*).

- Năm 2025: 1.165 tàu x 210.000đ x 12 tháng: 2.935.800.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu, tám trăm nghìn đồng*).

- Năm 2026: 1.165 tàu x 150.000đ x 12 tháng: 2.097.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ không trăm chín mươi bảy triệu đồng*).

- Tổng kinh phí hỗ trợ 03 năm (từ năm 2024 đến năm 2026): 9.226.800.000 đồng (*Bằng chữ: Chín tỷ hai trăm hai mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*).

- Chi cục Thủy sản tỉnh Quảng Bình chịu trách nhiệm thực hiện hỗ trợ và quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

6. Đối tượng hỗ trợ

- Là tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký tại tỉnh Quảng Bình; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác

thủy sản, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hiệu lực; đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định.

- Tàu cá phải có dữ liệu hành trình tại Hệ thống giám sát tàu cá của Cục Thủy sản; dữ liệu trong một năm không có cảnh báo tàu cá vượt ranh giới cho phép khai thác vùng biển Việt Nam, trừ trường hợp cơ quan chức năng và chính quyền địa phương xác minh, làm rõ nguyên nhân vượt ranh giới vì lý do bất khả kháng; không có cảnh báo từ 02 chuyến biển trở lên bị mất kết nối quá 10 ngày trên biển, trừ trường hợp cơ quan chức năng và chính quyền địa phương xác minh, làm rõ nguyên nhân mất kết nối do vệ tinh, thiết bị hoặc không phải lỗi do chủ quan của chủ tàu, thuyền trưởng.

- Chủ tàu đã hoàn thành trả phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá trong năm hỗ trợ theo hợp đồng và hóa đơn với các đơn vị cung cấp dịch vụ.

7. Tổ chức thực hiện

- Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

- Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2024 - 2026, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Hồ sơ gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp; (4) Báo cáo tổng hợp các ý kiến tham gia của các đơn vị, địa phương (5) Báo cáo công tác quản lý, vận hành Hệ thống giám sát tàu cá, thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá Quảng Bình; (6) Báo cáo tổng hợp giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (7) Bản chụp các ý kiến tham gia của các đơn vị, địa phương)./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế Ngân sách-HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: NNPTNT, TP, KHĐT, TC;
- VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Số: /2023/NQ-HĐND Quảng Bình, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao
dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình
giai đoạn từ năm 2024 đến 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 21 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Xét Tờ trình số 2345/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cước thuê
bao dịch vụ giám sát hành trình tàu cá tỉnh Quảng Bình giai đoạn từ năm 2024
đến 2026; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của
Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cước thuê bao dịch vụ giám sát
hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất trên 15m đăng ký tại tỉnh
Quảng Bình.

2. Các đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình cho tàu cá của tỉnh Quảng Bình.

3. Cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Mỗi tàu cá được nhận hỗ trợ 01 lần/năm tiền cước phí thuê bao dịch vụ cho 01 thiết bị giám sát hành trình lắp trên tàu cá.

2. Đảm bảo kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và đúng quy định. Thực hiện hỗ trợ chặt chẽ, đúng đối tượng, tránh trường hợp lợi dụng chính sách để trục lợi.

Điều 4. Định mức, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí hỗ trợ

1. Trong năm 2024, mỗi tàu cá được hỗ trợ 100% cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình theo hợp đồng và hoá đơn thực tế nhưng tối đa không quá 300.000 đồng/tháng/tàu.

2. Trong năm 2025, mỗi tàu cá được hỗ trợ 70% cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình theo hợp đồng và hoá đơn thực tế nhưng tối đa không quá 210.000 đồng/tháng/tàu.

3. Trong năm 2026, mỗi tàu cá được hỗ trợ 50% cước thuê bao dịch vụ giám sát hành trình theo hợp đồng và hoá đơn thực tế nhưng tối đa không quá 150.000 đồng/tháng/tàu.

4. Kinh phí thực hiện hỗ trợ: Từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế thuộc ngân sách tỉnh thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Thủy sản Quảng Bình) để thực hiện chi trả cho các đối tượng chủ tàu cá theo quy định.

Điều 5. Đối tượng hỗ trợ

Là các tổ chức, cá nhân có tàu cá chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên đăng ký tại tỉnh Quảng Bình: Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá còn hiệu lực; đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình theo quy định; có dữ liệu hành trình tại Hệ thống giám sát tàu cá của Cục Thủy sản (dữ liệu trong năm hỗ trợ không có cảnh báo tàu cá vượt ranh giới cho phép khai thác vùng biển Việt Nam, trừ trường hợp cơ quan chức năng và chính quyền địa phương xác minh, làm rõ nguyên nhân vượt ranh giới vì lý do bất khả kháng); không có cảnh báo từ 02 chuyến biển trở lên bị mất kết nối quá 10 ngày trên biển (trừ trường hợp cơ quan chức năng và chính quyền địa phương xác minh, làm rõ nguyên nhân mất kết nối do vệ tinh, thiết bị hoặc không phải lỗi do chủ quan của chủ tàu, thuyền trưởng); chủ tàu đã hoàn thành trả phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá trong năm hỗ trợ có hợp đồng và hóa đơn với các đơn vị cung cấp dịch vụ.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày tháng năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023 đến hết ngày ngày 31 tháng 12 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội (để báo cáo);
- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH